

KẾT QUẢ THI NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1	TDS.VLVH.02.001	LÊ NGUYỄN THỊ NHƯ ÁI	01/10/2003	Nữ	8.25	
2	TDS.VLVH.02.004	NGÔ THỪA ÂN	27/03/2005	Nam	10	UTXT
3	TDS.VLVH.02.006	CHÂU THỊ NGỌC ANH	01/02/2007	Nữ	7.5	
4	TDS.VLVH.02.008	HOÀNG GIA BÁCH	22/10/2007	Nam	8.75	
5	TDS.VLVH.02.009	NGUYỄN ĐẶNG HUY BẢO	30/06/2006	Nam	9.0	
6	TDS.VLVH.02.010	NGUYỄN GIA BẢO	05/11/2007	Nam	9.25	
7	TDS.VLVH.02.011	PHẠM THỂ BẢO	08/01/2007	Nam	9.0	
8	TDS.VLVH.02.012	QUÁCH KIM BẢO	19/07/2006	Nam	7.75	
9	TDS.VLVH.02.013	TRẦN CHÍ BẢO	19/01/2007	Nam	9.25	
10	TDS.VLVH.02.016	HỒ NGỌC CÀN	22/10/2007	Nam	8.75	
11	TDS.VLVH.02.019	PHAN PHẠM TIẾN ĐẠI	02/01/2007	Nam	9.25	
12	TDS.VLVH.02.020	HOÀNG HẢI ĐĂNG	16/08/2006	Nam	10	UTXT
13	TDS.VLVH.02.022	LÊ THÀNH ĐẠT	29/06/2007	Nam	8.25	
14	TDS.VLVH.02.024	TRỊNH DOANH DOANH	25/09/2007	Nữ	8.75	
15	TDS.VLVH.02.026	NGUYỄN ANH ĐỨC	09/06/2006	Nam	7.75	
16	TDS.VLVH.02.027	NGUYỄN HOÀI TRỌNG ĐỨC	03/11/2004	Nam	8.75	
17	TDS.VLVH.02.029	TÔ MINH ĐỨC	25/04/2003	Nam	8.0	
18	TDS.VLVH.02.030	NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG	11/01/2007	Nữ	8.25	
19	TDS.VLVH.02.031	DÔNG GUR RƠ GLIL	26/03/2007	Nữ	10	UTXT
20	TDS.VLVH.02.032	LÊ TRỌNG HẢI	26/09/2007	Nam	10	UTXT
21	TDS.VLVH.02.033	NGUYỄN THÀNH HÂN	21/04/2005	Nam	8.25	
22	TDS.VLVH.02.034	LÊ HOÀI HẬN	25/04/1995	Nam	10	UTXT
23	TDS.VLVH.02.035	NGUYỄN MAI LONG HẬU	13/07/2003	Nam	10	UTXT
24	TDS.VLVH.02.036	VÕ MINH HẬU	18/09/2007	Nam	8.25	
25	TDS.VLVH.02.037	NGUYỄN LÊ MINH HIẾU	23/06/2006	Nam	8.25	
26	TDS.VLVH.02.040	VÕ DUY HOÀNG	26/10/1998	Nam	8.0	
27	TDS.VLVH.02.041	MAI TRỌNG HỘI	10/07/2007	Nam	8.75	
28	TDS.VLVH.02.042	BÙI MẠNH HÙNG	17/05/2007	Nam	9.25	
29	TDS.VLVH.02.043	ĐÀO DUY HÙNG	16/11/2007	Nam	8.25	
30	TDS.VLVH.02.045	NGUYỄN VIỆT HÙNG	21/09/2006	Nam	8.5	
31	TDS.VLVH.02.046	CAO ĐÌNH HUNG	20/05/2006	Nam	9.25	
32	TDS.VLVH.02.047	LÊ NGUYỄN PHÚC HUY	28/01/2007	Nam	9.0	
33	TDS.VLVH.02.048	NGUYỄN NHẤT HUY	12/10/2005	Nam	8.75	
34	TDS.VLVH.02.049	NGUYỄN PHAN GIA HUY	22/02/2007	Nam	9.25	
35	TDS.VLVH.02.050	TRẦN NHƯ KHIÊM	01/01/2006	Nam	9.75	
36	TDS.VLVH.02.051	VÕ HOÀNG ANH KHÔI	30/08/2004	Nam	8.25	
37	TDS.VLVH.02.054	PHẠM TRẦN BẢO KIÊN	04/02/2007	Nam	10	UTXT
38	TDS.VLVH.02.055	ĐÌNH KIM LOAN	25/02/1988	Nữ	9.5	
39	TDS.VLVH.02.056	LÊ NGUYỄN THANH LONG	05/03/2000	Nam	10	UTXT
40	TDS.VLVH.02.058	NGUYỄN TRÍ MẠNH	10/03/2006	Nam	8.75	
41	TDS.VLVH.02.059	HUỖNH KHẢ MY	09/07/2006	Nữ	10	UTXT



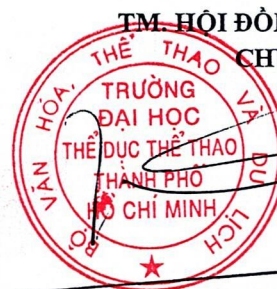
182

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm năng khiếu	Ghi chú
42	TDS.VLVH.02.060	CHÂU HOÀI NAM	14/04/2007	Nam	8.25	
43	TDS.VLVH.02.061	ĐOÀN HUY NAM	26/01/2006	Nam	8.0	
44	TDS.VLVH.02.062	VÕ KIM NGÂN	09/09/2007	Nữ	8.75	
45	TDS.VLVH.02.063	TRẦN HIẾU NGHĨA	06/06/2007	Nam	7.25	
46	TDS.VLVH.02.064	NGUYỄN KHƯƠNG NGUYỄN	11/09/2007	Nam	9.0	
47	TDS.VLVH.02.066	BÙI SỸ NHẬT	22/04/2007	Nam	10	UTXT
48	TDS.VLVH.02.067	HUỖNH THỊ YẾN NHI	01/04/1997	Nữ	7.75	
49	TDS.VLVH.02.068	LÂM NGUYỄN QUANG NHỰT	25/11/1991	Nam	9.0	
50	TDS.VLVH.02.070	CAO TẤN PHÁT	06/12/2007	Nam	9.5	
51	TDS.VLVH.02.071	NGUYỄN TẤN PHÁT	20/02/2007	Nam	8.75	
52	TDS.VLVH.02.072	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	21/07/2007	Nam	9.0	
53	TDS.VLVH.02.073	NGUYỄN VĂN PHỤNG	27/08/1992	Nam	9.5	
54	TDS.VLVH.02.074	LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG	08/11/2004	Nữ	10	UTXT
55	TDS.VLVH.02.075	ĐỖ HOÀNG QUÂN	02/02/2006	Nam	10	UTXT
56	TDS.VLVH.02.076	LÊ NGUYỄN MINH QUÂN	05/02/2006	Nam	8.5	
57	TDS.VLVH.02.077	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	28/10/2007	Nam	7.75	
58	TDS.VLVH.02.079	VÕ THANH QUỐC	26/10/2006	Nam	8.0	
59	TDS.VLVH.02.080	HỒ THANH SANG	23/09/1993	Nam	8.75	
60	TDS.VLVH.02.081	HUỖNH HỒNG SƠN	24/01/2007	Nam	8.25	
61	TDS.VLVH.02.082	LÊ MY TI SONE	24/07/2007	Nam	8.0	
62	TDS.VLVH.02.083	NGÔ ANH TÀI	08/06/2007	Nam	10	UTXT
63	TDS.VLVH.02.084	NGÔ TẤN TÀI	19/04/2007	Nam	9.0	
64	TDS.VLVH.02.085	NGUYỄN HỮU TÀI	08/01/1997	Nam	9.5	
65	TDS.VLVH.02.086	LÝ VĂN TẤN	13/01/2006	Nam	8.25	
66	TDS.VLVH.02.088	DANH ĐỨC THẮNG	07/06/2007	Nam	6.75	
67	TDS.VLVH.02.089	PHÙNG MẠNH THẮNG	15/08/2007	Nam	8.25	
68	TDS.VLVH.02.090	NGUYỄN VĂN THANH	28/05/2002	Nam	8.75	
69	TDS.VLVH.02.091	VŨ THỊ THIÊN THẢO	01/10/2006	Nữ	8.75	
70	TDS.VLVH.02.092	NGUYỄN QUANG THẾ	21/01/2007	Nam	8.5	
71	TDS.VLVH.02.093	MAI CHÍ THIÊN	08/08/2006	Nam	5.5	
72	TDS.VLVH.02.094	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	10/10/2004	Nam	9.0	
73	TDS.VLVH.02.095	NGUYỄN QUỐC THỊNH	29/04/2007	Nam	9.5	
74	TDS.VLVH.02.096	HUỖNH NGUYỄN TRUNG THÔNG	07/01/1998	Nam	7.0	
75	TDS.VLVH.02.097	TRẦN VÕ XUÂN TĨNH	20/01/2007	Nam	9.25	
76	TDS.VLVH.02.098	TRẦN MINH TOÀN	01/06/2006	Nam	8.75	
77	TDS.VLVH.02.099	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	04/07/2007	Nữ	8.25	
78	TDS.VLVH.02.100	NGUYỄN TÔ TUYẾT TRẦN	17/06/2007	Nữ	8.25	
79	TDS.VLVH.02.101	THỎ TRIỀU	22/09/1999	Nam	9.5	
80	TDS.VLVH.02.102	ĐẶNG THỊ KIỀU TRINH	13/10/2007	Nữ	7.5	
81	TDS.VLVH.02.103	NGUYỄN HỒNG TRỌNG	20/07/2004	Nam	10	UTXT
82	TDS.VLVH.02.104	NGUYỄN THẾ TRUNG	12/02/2007	Nam	8.25	
83	TDS.VLVH.02.106	LÊ ĐÌNH TÚ	22/05/2007	Nam	8.25	
84	TDS.VLVH.02.107	DƯƠNG HOÀNG VINH	08/01/2006	Nam	10	UTXT
85	TDS.VLVH.02.108	PHAN NHẬT VŨ	31/01/2004	Nam	8.75	
86	TDS.VLVH.02.109	TẠ TUẤN VŨ	18/12/2007	Nam	10	UTXT
87	TDS.VLVH.02.110	TRẦN MINH HIẾU	15/02/1997	Nam	10	UTXT



STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm năng khiếu	Ghi chú
88	TDS.VLVH.02.111	NGUYỄN XUÂN THÀNH	26/10/2007	Nam	10	UTXT
89	TDS.VLVH.02.112	NGUYỄN HÀ KHÁNH DUY	10/05/2005	Nam	10	UTXT
90	TDS.VLVH.02.113	NGUYỄN BÁ KHÔI	20/01/1979	Nam	10	UTXT
91	TDS.VLVH.02.114	LÊ LÂM TÙNG	02/07/1990	Nam	10	UTXT
92	TDS.VLVH.02.115	HUỖNH THANH HIỀN	23/02/2005	Nam	8.25	
93	TDS.VLVH.02.116	TRẦN XUÂN THẢO	20/09/2002	Nữ	8.5	
94	TDS.VLVH.02.117	ĐÌNH GIA LONG	10/11/2007	Nam	8.75	
95	TDS.VLVH.02.118	VŨ HOÀNG	27/12/1996	Nam	8.75	
96	TDS.VLVH.02.119	LÊ ANH TUẤN	16/08/1984	Nam	8.5	
97	TDS.VLVH.02.120	TRẦN NGUYỄN NGỌC HUÂN	10/03/1985	Nam	8.25	
98	TDS.VLVH.02.121	LƯU ĐỨC TRÍ DŨNG	28/10/1991	Nam	8.75	
99	TDS.VLVH.02.122	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG TRINH	03/04/2006	Nữ	10	UTXT
100	TDS.VLVH.02.123	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG UYÊN	03/04/2006	Nữ	10	UTXT

Ghi chú: UTXT: Ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu).
 Tổng số: 100 thí sinh./.



HIỆU TRƯỞNG
 TS. Võ Quốc Thắng